TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2024/DS-PT
Ngày 03-12-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Đương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2024/QĐPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B: Ông Nguyễn Hoàng O, Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị B1, sinh năm 1974 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Lê Thạch Ngọc Thiên T, sinh năm 2004 (xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Trần Bé N, sinh năm 1983 (có mặt).

4. Ông Nguyễn Vĩnh T1, sinh năm 1983 (xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại, bà Huỳnh Thị H là chị dâu của ông Nguyễn Văn B, cha mẹ cho đất khoảng năm 2017-2018 và đã được cấp quyền sử dụng đất, diện tích 1.140m^2, cha có cho bà Huỳnh Thị H một phần đất xây nhà chiều ngang 5 mét, ông đã tách quyền sử dụng cho bà H trong diện tích 1.140m^2, phần đất còn lại ông đang đứng tên là thửa 3637 tờ bản đồ số 5, diện tích 872,7m^2 toạ lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sử dụng thì bà Huỳnh Thị H và các con lấn chiếm đất thêm, còn có hành vi xúc phạm gia đình ông B. Nay ông Nguyễn Văn B yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị H phải trả đất theo kết quả đo đạc là 102,4m^2. Về yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị H yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà H và bà H trả giá trị đất cho ông thì ông không đồng ý.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H (do bà Trần Bé N là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị H) trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T2 (ông nội của bà Trần Bé N) cho bà Huỳnh Thị H, bà H sinh sống và sử dụng phần đất này khoảng 40 năm, trong thời gian ông Nguyễn Văn T2 sống chung với ông Nguyễn Văn B thì ông B làm thủ tục sang tên đất như thế nào thì gia đình bà không biết. Ông Nguyễn Văn B cho rằng gia đình bà lấn chiếm là không đúng vì phần đất này là sử dụng chung, đi chung một cổng rào. Ông Nguyễn Văn B làm giấy đất và cho rằng đất của ông B và yêu cầu gia đình trả đất thì gia đình không đồng ý. Nay bà Huỳnh Thị H yêu cầu được sử dụng diện tích 102,4m^2 bao gồm phần sân trước, lối đi vào nhà sau và nhà nấu rượu thuộc thửa 3637 tờ bản đồ số 5, nằm trong tổng diện tích 872,7m^2, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn B đứng tên và sẽ trả giá trị đất cho ông Nguyễn Văn B theo giá Nhà nước quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị B1, bà Nguyễn Lê Thạch Ngọc Thiên T thống nhất với yêu cầu của ông Nguyễn Văn B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Bé N, ông Nguyễn Vĩnh T1 thống nhất với yêu cầu của bà Huỳnh Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đã xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B. Buộc bà Huỳnh Thị H phải trả ông Nguyễn Văn B phần diện tích đất lấn chiếm là 21,6m^2 thuộc một phần thửa 3637, tờ bản đồ số 5, diện tích 872,7m^2 toạ lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn B đứng tên.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị H. Công nhận cho bà Huỳnh Thị H được tiếp tục sử dụng 33,9m^2 (nhà nấu rượu), 27m^2 (sân trước), tổng diện tích 60,9m^2 trong tổng diện tích 872,7m^2 thuộc một phần thửa 3637, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, loại đất cây lâu năm, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn B đứng tên vào ngày 15 tháng 3 năm 2022. Buộc bà Huỳnh Thị H phải trả 31.059.000 đồng giá trị 60,9m^2 đất cho ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải giao quyền sử dụng diện tích 60,9m^2 trong tổng diện tích 872,7m^2 thuộc một phần thửa 3637 tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, loại đất cây lâu năm, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn B đứng tên vào ngày 15 tháng 3 năm 2022 cho bà Huỳnh Thị H sử dụng. Bà Huỳnh Thị H được quyền kê khai đăng ký theo quy định. Buộc ông Nguyễn Văn B phải mở lối đi cho bà Huỳnh Thị H diện tích 19,9m^2 trong tổng diện tích 872,7m^2 thuộc một phần thửa 3637 tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, loại đất cây lâu năm, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn B đứng tên vào ngày 15 tháng 3 năm 2022. Buộc bà Huỳnh Thị H phải trả 10.149.000 đồng giá trị lối đi cho ông Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

(Phần diện tích đất 33,9 m^2 (phần A), (phần B: 21,6m^2 + 19,9m^2 + 27m^2) có tứ cận theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo công văn số 57/CNHCN, ngày 11tháng 4 năm 2024 của Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C). Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thay đổi đất và các tài sản trên đất dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà Huỳnh Thị H phải trả lại diện tích 33,9m^2(nhà nấu rượu), 27m^2 (sân trước) và lối đi 19,9m^2 tổng cộng là 80,8m^2 nằm trong tổng diện tích 827,7m^2 thuộc thửa 3637, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn B trình bày quan điểm bảo vệ như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn B rút một phần kháng cáo đối với diện tích 27m^2 (sân trước) và diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu), ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với phần diện tích 19,9m^2 (lối đi). Xét thấy hiện tại hai gia đình có mâu thuẫn với nhau nếu xem xét chấp nhận mở lối đi cho bà Huỳnh Thị H như án sơ thẩm đã tuyên thì sẽ làm mâu thuẫn giữa hai gia đình trầm trọng hơn. Đối với lối đi vào phần đất và nhà của bà Huỳnh Thị H đã được xem xét do ông Nguyễn Văn B rút kháng cáo phần 27m^2 (sân trước) của bà Huỳnh Thị H nên bà Huỳnh Thị H đã có lối đi vào nhà nên không cần thiết phải mở lối đi 19,9m^2 nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần diện tích 27m^2 (sân trước) và phần diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu), sửa án sơ thẩm về phần diện tích 19,9m^2 (lối đi).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo: Ngày 28 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà Huỳnh Thị H phải trả lại diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu), 27m^2 (sân trước) và lối đi 19,9m^2 tổng cộng là 80,8m^2 nằm trong tổng diện tích 872,7m^2 thuộc thửa 3637, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn B rút lại một phần kháng cáo đối với diện tích 27m^2 (sân trước) và diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu), ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với phần diện tích 19,9 m^2 (lối đi). Việc rút lại một phần kháng cáo đối với diện tích 27m^2 (sân trước) và diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu) của ông Nguyễn Văn B là thật sự tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần diện tích đất 27m^2 (sân trước) và diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu). Đối với yêu cầu mở lối đi 19,9m^2 của bà Huỳnh Thị H. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn B đã rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với diện tích 27m^2 (sân trước) của bà Huỳnh Thị H nên bà Huỳnh Thị H đã có lối đi vào nhà nên không cần thiết phải mở lối đi 19,9m^2 nằm trong tổng diện tích 872,7m^2 thuộc thửa 3637, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu mở lối đi 19,9m^2 của bị đơn bà Huỳnh Thị H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa Bản án sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn B kháng cáo, việc kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung yêu cầu kháng cáo: ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà Huỳnh Thị H phải trả lại diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu), 27m^2 (sân trước) và lối đi 19,9m^2 tổng cộng là 80,8m^2 nằm trong tổng diện tích 872,7m^2 thuộc thửa 3637, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn B thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, ông Nguyễn Văn B rút lại một phần kháng cáo đối với diện tích

27m^2 (sân trước) và diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu), ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với phần diện tích 19,9 m^2 (lối đi). Xét thấy việc rút lại một phần kháng cáo đối với diện tích 27m^2 (sân trước) và di ện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu) của ông Nguyễn Văn B là thật sự tự nguyện, đúng quy định của pháp luật được chấp nhận nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần diện tích đất 27m^2 (sân trước) và diện tích 33,9m^2 (nhà nấu rượu) án sơ thẩm tuyên phần diện tích đất trên sẽ có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu mở lối đi 19,9m^2 nằm trong tổng diện tích 872,7m^2, thuộc thửa 3637, tờ bản đồ số 5, loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn B đã rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với diện tích 27m^2 (sân trước) của bà Huỳnh Thị H nên bà Huỳnh Thị H đã có lối đi vào nhà nên không cần thiết phải mở lối đi 19,9m^2 nằm trong tổng diện tích 872,7m^2 thuộc thửa 3637, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn B có căn cứ chấp nhận nên sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu mở lối đi 19,9m^2 của bị đơn bà Huỳnh Thị H.

Từ những nhận định và phân tích trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B là có căn cứ được chấp nhận, chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ kiện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn B được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B với bị đơn bà Huỳnh Thị H.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị H.

Ông Nguyễn Văn B không phải mở lối đi cho bà Huỳnh Thị H diện tích 19,9m^2 nằm trong tổng diện tích 872,7m^2, thuộc một phần thửa 3637, tờ bản đồ số 5, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần diện tích đất 27m^2 (sân trước) và diện tích đất 33,9m^2 (nhà nấu rượu) nằm trong tổng diện tích 872,7m^2, thuộc một phần thửa 3637, tờ bản đồ số 5, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bà Huỳnh Thị H được sử dụng phần diện tích đất 27m^2 (sân trước) và diện tích đất 33,9m^2 (nhà nấu rượu) nằm trong tổng diện tích 872,7m^2, thuộc một phần thửa 3637, tờ bản đồ số 5, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B vào ngày 15 tháng 3 năm 2022. Buộc bà Huỳnh Thị H phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B số tiền 31.059.000 đồng (Ba mươi mốt triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Phần đất 27m^2 (sân trước) có vị trí, tứ cận sau:

Phía Đông giáp đường nhựa có kích thước 2,4m;

Phía Tây giáp thửa 3643 có kích thước 3,0m;

Phía Nam giáp thửa 3637 có kích thước 10m;

Phía Bắc giáp thửa 3643 có kích thước 10m (có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 57/CNHCN ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Trà Vinh).

Phần đất 33,9m^2 (nhà nấu rượu) có vị trí, tứ cận sau:

Phía Đông giáp thửa 796 có kích thước 4,0m;

Phía Tây giáp thửa 3917 có kích thước 4,4m;

Phía Nam giáp thửa 3637 có kích thước 8,0m;

Phía Bắc giáp thửa 3643 có kích thước 8,0m (có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 57/CNHCN ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Trà Vinh).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện nghĩa vụ về tài chính để làm thủ tục xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích và tứ cận theo quyết định của bản án. Ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3637, tờ bản đồ số 5, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0011253 ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Đắc Đương